

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày: 07-6-2022

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị T

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh P

Ông Phan Song H

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ N - Thư ký TAND tỉnh Đồng Tháp

Trong ngày 07/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Phẩm S

Địa chỉ: Số 13, Đường 9A, KCN B, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông K, Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông K:* Ông Q, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021 – Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 278, đường K, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế H

Địa chỉ: Số 1, đường Lê Thị R, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lương Ngọc A, Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Phẩm S do ông Q đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 02/12/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Phẩm S (gọi tắt là Công ty D) và Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế H (gọi tắt là Bệnh viện H) có ký Hợp đồng kinh tế theo hợp đồng số:SPD 2017/546/HĐMB ngày 02/12/2017.

Ngày 01/12/2018, Công ty S và Bệnh viện H có ký hợp đồng kinh tế theo hợp đồng số: SPD 2018/470/HĐMB ngày 01/12/2018 .

Cả hai hợp đồng kinh tế đều có các nội dung chủ yếu như sau:

Bên bán là Công ty D cung cấp cho bên mua là Bệnh viện H các mặt hàng thuốc được phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu, đạt chất lượng theo đúng qui định của Bộ Y tế.

Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Giá trị hợp đồng: theo nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị.

Phương thức thanh toán:

- Bên mua thanh toán cho bên bán theo phương thức chuyển khoản.
- Bên bán cho bên mua được nợ 45 ngày kể từ ngày nhận hàng.
- Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Đồng Việt Nam (VNĐ).

Trong quá trình thực hiện hai hợp đồng thì Bệnh viện H còn nợ lại Công ty S với 11 hóa đơn chưa thanh toán khi đến hạn thanh toán với số tiền 596.150.000đồng (Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng). Như sau:

- Ngày 11/06/2018: 22.850.000 đồng
- Ngày 26/06/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 18/07/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 31/07/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 05/09/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 04/10/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 01/11/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 30/11/2018: 54.600.000 đồng
- Ngày 03/01/2018: 81.900.000 đồng
- Ngày 09/05/2019: 54.600.000 đồng
- Ngày 09/05/2019: 54.600.000 đồng
- Tổng cộng: 596.150.000 đồng

Công ty D gửi biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến Bệnh viện H tính đến hết ngày 31/12/2020, theo đó ông Lương Ngọc A giám đốc Bệnh viện H đã ký xác nhận Biên Bản Đối Chiếu Và Xác Nhận Công Nợ ngày 07/01/2021 số tiền là 596.150.000 đồng.

Công ty D đã nhiều lần liên hệ với Bệnh viện H yêu cầu thanh toán số tiền các hóa đơn còn thiếu và đã vượt quá thời hạn thanh toán nhưng phía Bệnh viện H không thực hiện.

Căn cứ phương thức thanh toán trong hợp đồng thì Bên bán cho Bên mua được nợ 45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Theo đó bên mua đã không thanh toán tiền mua đúng hạn phải có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty D đối với số tiền thiếu với lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm trong suốt thời gian chưa thanh toán xong.

Theo Đơn khởi kiện thì Công ty D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét giải quyết buộc: Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế H thực hiện thanh toán số tiền mua thuốc được phẩm cho Công ty D là: 596.150.000 đồng (Năm trăm

chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng) và số tiền lãi của 596.150.000 đồng tính đến ngày 01/11/2021 là 153.594.125 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi tạm tính đến ngày 01/11/2021 là: 749.744.125 đồng (Bảy trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi của số tiền 596.150.000 đồng với lãi suất 9%/năm kể từ ngày 02/11/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 09/3/2022, Bệnh viện H đã trả cho Công ty D số tiền 298.075.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là tiền thanh toán ½ công nợ lũy kế đến 28/02/2022, còn nợ 298.075.000 và lãi suất.

Nay, Công ty D thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bệnh viện H thực hiện thanh toán số tiền mua thuốc được phẩm còn nợ là: 298.075.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi suất được tính như sau: (1) Tiền lãi đến ngày 01/11/2021 là 153.594.125 đồng; (2) Tiền lãi từ ngày 02/11/2021 đến ngày 09/3/2022 của số tiền 596.150.000 đồng là:  $596.150.000 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 4 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 18.927.762,5 \text{ đồng}$ ; (3) Tiền lãi từ ngày 10/3/2022 đến ngày 07/6/2022 của số tiền 298.075.000 đồng là:  $298.075.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 02 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 6.483.131,25 \text{ đồng}$ . (4) Tổng lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/6/2022 là (1) + (2) + (3) là:  $153.594.125 \text{ đồng} + 18.927.762 \text{ đồng} + 6.483.131 \text{ đồng} = 179.005.019 \text{ đồng}$  (Một trăm bảy mươi chín triệu lẻ năm nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả khi thi hành án.

**- Bị đơn Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế H:** Người đại diện theo pháp luật là ông Lương Ngọc A, trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty D, vắng mặt trong các lần triệu tập tại các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, việc vắng mặt của bị đơn là không có lý do sau khi đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy các đương sự (nguyên đơn và bị đơn) tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán; các đương sự đều có đăng ký kinh doanh, tham gia ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán nhằm mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

[1.2] Về thẩm quyền: Trong Hợp đồng mua bán, các đương sự có thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết theo quy định pháp luật; xét thấy Công ty Bệnh viện H có địa chỉ trụ sở đặt tại thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, vụ án có yếu tố nước ngoài do nguyên đơn là Công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Ngày 14/4/2022, Tòa án ban hành Quyết định đư vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 17/5/2022, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử ban hành Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 07/6/2022 người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bệnh viện H là ông Lương Ngọc A vắng mặt. Do bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Giữa Công ty D và Bệnh viện H thỏa thuận ký kết các Hợp đồng kinh tế số SPD 2017/546/HĐMB ngày 02/12/2017 và SPD 2018/470/HĐMB ngày 01/12/2018. Theo đó, bên bán là Công ty D cung cấp cho bên mua là Bệnh viện H các mặt hàng thuốc dược phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu, đạt chất lượng theo đúng qui định của Bộ Y tế . Giá trị hợp đồng: Theo nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị. Phương thức thanh toán được hai bên thỏa thuận như sau: Bên mua thanh toán cho bên bán theo phương thức chuyển khoản; Bên bán cho bên mua được nợ 45 ngày kể từ ngày nhận hàng; Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Đồng Việt Nam (VNĐ).

Trong quá trình thực hiện hai hợp đồng thì Bệnh viện H còn nợ lại Công ty D với 11 hóa đơn chưa thanh toán khi đến hạn thanh toán với số tiền 596.150.000đồng (*Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng*). Công ty D đã gửi biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến Bệnh viện H tính đến hết ngày 31/12/2020. Theo đó, ông Lương Ngọc A giám đốc Bệnh viện H đã ký xác nhận Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 07/01/2021 số tiền là 596.150.000 đồng. Công ty D đã nhiều lần liên hệ với Bệnh viện H yêu cầu thanh toán số tiền các hóa đơn còn thiếu và đã vượt quá thời hạn thanh toán nhưng phía Bệnh viện H không thực hiện. Đến ngày 09/3/2022, Bệnh viện H mới thanh toán cho Công ty D số tiền 298.075.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D tại phiên tòa ngày 07/6/2022 như nêu trên là có cơ sở. Bởi lẽ, việc Bệnh viện Thái Hoà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty D theo thỏa thuận hợp đồng đối với số tiền 596.150.000 đồng thể hiện qua việc ông Lương Ngọc A đại diện theo pháp luật của Bệnh viện H ký tên vào biên bản đối chiếu và xác nhận công. nợ ngày 31/12/2020 và sau đó đã chuyển khoản trả số tiền 298.075.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) vào ngày 09/3/2022. Do đó, căn cứ Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Bệnh viện Thái

Hoà có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D số tiền còn lại là 298.075.000 đồng là phù hợp. Xét lãi suất quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở để chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D: Buộc Bệnh viện H thực hiện thanh toán số tiền mua thuốc được phẩm còn nợ cho Công ty D là 298.075.000 đồng và lãi 179.005.00 đồng; tổng cộng là: 477.080.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty D được chấp nhận, nên Bệnh viện H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 16.994.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 430, 431, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Phẩm S;

- Buộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế H có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Phẩm S là: 477.080.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế H phải chịu 16.994.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược Phẩm S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.994.882 đồng (Mười sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi hai đồng), theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0004582 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV & THA TA Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị T**